

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG

Tên chương trình	: Ngôn ngữ Trung
Trình độ đào tạo	: Đại học liên thông từ Cao đẳng
Ngành đào tạo	: Ngôn ngữ Trung
Tên Tiếng Anh	: Chinese
Loại hình đào tạo	: Liên thông chính quy – hệ tín chỉ
Mã số	: 52.22.02.04
Khóa đào tạo	: 2014 – 2016

(Ban hành kèm theo Quyết định số 555/QĐ – ĐT, ngày 24 tháng 11 năm 2014
của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Kiến thức

1.1.1. Kiến thức chung

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe để làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng Tiếng Trung, đáp ứng được nhu cầu của xã hội và nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.

Sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn và khoa học tự nhiên cần thiết đối với một cử nhân Đại học, sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc (nghe, nói, đọc, viết) tối thiểu tương đương trình độ cấp 5/6 của kỳ thi chứng chỉ Hán ngữ quốc tế (HKS) của Trung Quốc, được trang bị kiến thức cần thiết về lý luận dịch, kỹ năng – kỹ thuật nghiệp vụ phiên dịch và biên dịch..

1.1.2. Kiến thức chuyên ngành

- Có nền tảng kiến thức cơ bản về ngôn ngữ Trung Quốc, có khả năng giao tiếp tốt.
- Có hiểu biết về văn hóa Việt Nam, Trung Quốc.
- Có khả năng biên phiên dịch Trung – Việt.

1.1.3. Kiến thức bổ trợ

- Có khả năng thuyết trình thông qua các học phần: Kỹ năng thuyết trình.
- Có trình độ ngoại ngữ 2 (tiếng Anh): đạt trình độ B.

- Có trình độ tin học A.
- Kỹ năng giải quyết vấn đề, Kỹ năng quản lý thời gian, Kỹ năng bàn phím, Kỹ năng soạn thảo văn bản.

1.2. Kỹ năng

1.2.1. Kỹ năng cứng

- Kỹ năng biên phiên dịch Trung – Việt;
- Kỹ năng nghe – nói – đọc – viết tiếng Trung Quốc.

1.2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng thuyết trình;
- Kỹ năng giải quyết vấn đề, Kỹ năng quản lý thời gian, Kỹ năng bàn phím, Kỹ năng soạn thảo văn bản.

1.3. Thái độ

- Trung thành với tổ quốc, hiểu biết và chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- Tác phong nghiêm túc, có tính kỷ luật cao và trách nhiệm trong công việc;
- Năng động trong công việc, không ngừng học tập, nâng cao trình độ và luôn có ý thức trau dồi nghề nghiệp;
- Có sự hiểu biết về những vấn đề đương đại;

1.4. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí, khả năng làm việc và học tập sau khi tốt nghiệp

- Biên phiên dịch Trung Việt và các công việc liên quan đến ngôn ngữ Trung Quốc trong cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài nước;
- Học lên sau đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc và các ngành phù hợp theo qui định.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 1.5 năm.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 64 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 1.5 năm, với 5 kỳ, trong đó 4 học kỳ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng tại cơ sở đào tạo 01 kỳ làm khóa luận hoặc học các học phần thay thế.

- Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng theo Quy chế 43/2007, Thông tư 57 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định 388/2014 của Hiệu trưởng trường ĐH Nguyễn Tất Thành.

6. THANG ĐIỂM

Thang điểm 10

Điểm học phần làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a. Loại đạt:

- A – (8,5 -> 10) : GIỎI.
 B – (7,0 -> 8,4) : KHÁ
 C – (5,5 -> 6,9) : TRUNG BÌNH
 D – (4,0 -> 5,4) : TRUNG BÌNH YẾU.

b. Loại không đạt:

- F – (dưới 4) : KÉM.

Tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chung của mỗi học phần phải được quy đổi sang điểm số như sau (điểm hệ 4):

- A tương ứng với 4.
 B tương ứng với 3.
 C tương ứng với 2.
 D tương ứng với 1.
 F tương ứng với 0.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 16 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

7.1.1. Khoa học xã hội – nhân văn nghệ thuật: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	070007	Kỹ năng giao tiếp 2	2	30	0	
		Tổng	2	30	0	

7.1.2. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
2	070406	Tin học văn phòng 2	2	0	60	
		Tổng	2	0	60	

7.1.3. Ngoại ngữ: 12 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
3	070411	TOEIC 3	3	30	30	
4	070412	TOEIC 4	3	30	30	070411(a)
5	070413	TOEIC 5	3	30	30	
6	070414	TOEIC 6	3	30	30	070411(a)
		Tổng	12	120	120	

7.1.4. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
7	000590	Giáo dục thể chất	1	15	15	
		Tổng	1	15	15	

7.1.5. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
8	000586	Giáo dục quốc phòng	1	6	24	
		Tổng	1	6	24	

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 48 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 24 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
9	070831	Tiếng Trung Quốc nâng cao 1	3	30	30	
10	070835	Tiếng Trung Quốc nâng cao 2	3	30	30	070831(a)
11	070832	Kỹ năng nghe nâng cao 1	3	30	30	
12	070836	Kỹ năng nghe nâng cao 2	3	30	30	070832(a)
13	070834	Kỹ năng đọc 1	3	30	30	
14	070838	Kỹ năng đọc 2	3	30	30	070834(a)
15	070833	Kỹ năng viết 1	3	30	30	
16	070237	Kỹ năng viết 2	3	30	30	070833(a)
		Tổng	24	240	240	

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 18 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
17	070647	Giao tiếp thương mại	3	30	30	
18	070840	Đàm thoại du lịch	3	30	30	
19	070658	Văn hóa Trung Quốc 1	3	30	30	
20	070659	Văn hóa Trung Quốc 2	3	30	30	070658(a)
21	070842	Dịch nói nâng cao	3	30	30	070838(a)
22	070843	Dịch viết nâng cao	3	30	30	070237(a)
		Tổng	18	180	180	

7.2.3. Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế): 6 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
23	070957	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	180	
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp						
24	070839	HSK 1	3	30	30	
25	070841	HSK 2	3	30	30	

Ghi chú: TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (b): học phần tiên quyết; (a): học phần trước; (c): học phần song hành.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN): Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

ST T	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện ràng buộc
Học kỳ 1				15	150	150	
Học phần bắt buộc				15	150	150	
1	000586	Giáo dục quốc phòng - Liên thông Đại học	0103000586	1	6	24	
2	000590	Giáo dục thể chất - Liên thông Đại học	0103000590	1	0	30	
3	070410	TOEIC 3	0103070411	3	30	30	
4	070831	Tiếng Trung Quốc nâng cao 1	0103070831	3	30	30	
5	070832	Kỹ năng nghe nâng cao 1	0103070832	3	30	30	
6	070833	Kỹ năng viết 1	0103070833	3	30	30	
7	070834	Kỹ năng đọc 1	0103070834	3	30	30	
Học kỳ 2				15	150	150	
Học phần bắt buộc				15	150	150	
1	070411	TOEIC 4	0103070411	3	30	30	
2	070835	Tiếng Trung Quốc nâng cao 2	0103070835	3	30	30	070831(a)
3	070836	Kỹ năng nghe nâng cao 2	0103070836	3	30	30	070832(a)
4	070837	Kỹ năng viết 2	0103070837	3	30	30	070833(a)
5	070838	Kỹ năng đọc 2	0103070838	3	30	30	070834(a)
Học kỳ 3				15	150	150	
Học phần bắt buộc				15	150	150	
1	070412	TOEIC 5	0103070412	3	30	30	070411(a)
2	070647	Giao tiếp thương mại	0103070647	3	30	30	
3	070658	Văn hóa Trung Quốc 1	0103070658	3	30	30	
4	070840	Đàm thoại du lịch	0103070840	3	30	30	
5	070842	Dịch nói nâng cao	0103070842	3	30	30	070838(a)
Học kỳ 4				13	120	150	
Học phần bắt buộc				13	120	150	
1	070659	Văn hóa Trung Quốc 2	0103070659	3	30	30	070658(a)
2	070843	Dịch viết nâng cao	0103070843	3	30	30	070837(a)
3	070007	Kỹ năng giao tiếp 2	0103070007	2	30	0	
4	070406	Tin học văn phòng 2	0103070406	2	0	60	
5	070413	TOEIC 6	0103070659	3	30	30	070658(a)
Học kỳ 5				6	0	180	
Học phần bắt buộc				0	0	0	
Học phần tự chọn				6	0	180	
1	070839	HSK 1	0103070839	3	30	30	
2	070841	HSK 2	0103070841	3	30	30	
3	070957	Khóa luận tốt nghiệp	0103070957	6	0	180	

9. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

TOEIC 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần TOEIC 3. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link Intro VDO (từ bài 7 – 12) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC Start phần còn lại. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOEIC 3)

Nội dung: Học phần TOEIC 4. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link VDO 1 (từ bài 1 – 6) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC do David Cho biên soạn (Phần 1). Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

Giáo dục thể chất: 1 (0, 30, 15)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Giáo dục thể chất bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng và thể thao quân sự bao gồm: Hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Giáo dục Quốc phòng: 1 (6, 24, 24)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm các nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT- BGDDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần này chi tiết gồm những nội dung kiến thức sau đây: Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)

Tin học văn phòng 2: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Giới thiệu về Cơ sở dữ liệu, làm việc trên Table, thiết kế CSDL theo mô hình quan hệ; Truy vấn thông tin trên CSDL; Thiết kế các loại Form; Thiết kế các loại Report; Sử dụng Macro; Đóng gói dữ liệu.

Kỹ năng giao tiếp 2: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp những kiến thức về giao tiếp trong cuộc sống nói chung và công việc nói riêng. Học phần Kỹ năng Giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào các kỹ năng viết và nói. Cụ thể sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao tiếp hiệu quả vào việc đón tiếp khách, trực tiếp hay qua điện thoại, biết soạn email hay các loại thư giao dịch. Sinh viên cũng sẽ biết làm việc theo nhóm, biết chuẩn bị một bài thuyết trình và biết thuyết trình trước lớp. Sinh viên cũng sẽ học chuẩn bị một bộ hồ sơ xin việc hiệu quả.

Kỹ năng Viết 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Rèn luyện kỹ năng viết cho sinh viên ở mức độ trung cấp, viết được đoạn văn ngắn, có thể trình bày các nội dung đơn giản bằng văn bản, viết được các thể loại văn như: tường thuật, nghị luận ở mức độ đơn giản.

Kỹ năng Đọc 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nâng cao kỹ năng đọc hiểu tiếng Trung Quốc, có tốc độ đọc và khả năng diễn đạt chính xác tư tưởng tình cảm, qua đó sinh viên có thể đọc được các thể văn khác nhau ở mức độ trung cấp, các văn bản đơn giản.

Tiếng Trung Quốc nâng cao 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Thông qua bài khóa cung cấp cho sinh viên cách ứng dụng từ, kiểu cấu trúc câu... qua đó giúp sinh viên nâng cao kỹ năng giao tiếp và kỹ năng diễn đạt, có vốn từ vựng khoảng 2000 - 2300 từ, có đủ năng lực để học tốt các học phần chuyên ngành.

Kỹ năng nghe nâng cao 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc ở trình độ nâng cao dành cho sinh viên đã tốt nghiệp cao đẳng ngành tiếng Trung. Sau học phần, người học nghe hiểu những mẫu đối thoại ngắn, những nội dung trong giao tiếp thường ngày ở mức độ trung cao cấp như các chủ đề trong giáo trình.

Tiếng Trung Quốc nâng cao 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (tiếng Trung Quốc nâng cao 1)

Nội dung: Thông qua bài khóa và các mục “Phối hợp và mở rộng từ vựng”, “Giải thích ngữ pháp”... cung cấp cho sinh viên cách ứng dụng từ, kiểu cấu trúc câu... qua đó giúp sinh viên nâng cao kỹ năng giao tiếp và kỹ năng diễn đạt, có vốn từ vựng trên 2500 từ, có đủ năng lực để học tốt các học phần chuyên ngành và tham gia luyện thi HSK cấp 5/6.

Kỹ năng nghe nâng cao 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kỹ năng nghe nâng cao 1)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kỹ năng nghe tiếng Trung Quốc ở trình độ nâng cao dành cho sinh viên đã tốt nghiệp cao đẳng ngành tiếng Trung. Sau học phần, người học nghe hiểu những mẫu đối thoại ngắn, những nội dung trong giao tiếp thường ngày như các chủ đề trong giáo trình nghe nâng cao.

Kỹ năng Viết 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kỹ năng viết 1)

Nội dung: Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng viết, đạt trình độ viết ở mức độ trung cao cấp, viết được bài văn ngắn, có đủ năng lực trao đổi thông tin, tường thuật, truyền đạt ý nghĩ bằng văn bản một cách chính xác.

Kỹ năng Đọc 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kỹ năng đọc 1)

Nội dung: Nâng cao kỹ năng đọc hiểu tiếng Trung Quốc, có tốc độ đọc và khả năng diễn đạt chính xác tư tưởng tình cảm, qua đó sinh viên có thể đọc được các thể văn khác nhau ở mức độ trung cấp, các văn bản đơn giản.

Giao tiếp thương mại: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Thông qua các bài đàm thoại với các tình huống : dò hỏi thông tin; bàn bạc giá cả; điều tra tín dụng; đặt hàng; thỏa thuận; phương thức thanh toán; đóng gói, bốc xếp, vận chuyển hàng hóa; khai báo hải quan; kiểm hóa... Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng trong ngành thương mại, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung trong kinh doanh, cung cấp những thuật ngữ và kiến thức để sinh viên đảm trách việc dịch các văn bản, tài liệu cho các hội nghị, hội thảo quốc tế, các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành, các văn bản thỏa thuận và hợp đồng quốc tế liên quan đến thương mại...

Văn hóa Trung Quốc 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần này giúp sinh viên nắm thêm các từ vựng thuộc lĩnh vực văn hóa, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Trung Quốc, hiểu biết những nét chính của văn hóa Trung Quốc thông qua các bài giảng và bài đọc thêm trong giáo trình.

Đàm thoại du lịch: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Với 10 bài đàm thoại theo tình huống gồm các nội dung liên quan việc phục vụ ở trọ, ăn uống và tham quan mua sắm trong các Tour du lịch, học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng trong ngành du lịch, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung trong lĩnh vực du lịch, cung cấp những thuật ngữ và kiến thức để sinh viên đảm trách việc dịch các văn bản, tài liệu cho các hội nghị, hội thảo quốc tế, các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành, các văn bản và hợp đồng quốc tế liên quan đến du lịch.

Dịch nói nâng cao : 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kỹ năng đọc 2)

Nội dung: Nâng cao trình độ dịch nói của sinh viên, giúp sinh viên có thể nghe hiểu và dịch nói một cách chính xác các bài khóa và các chủ đề có liên quan trong giáo trình, có thể dịch nói những nội dung trong sinh hoạt thường ngày.

Văn hóa Trung Quốc 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Văn hóa Trung Quốc 1)

Nội dung: Học phần này là phần tiếp tục của học phần Văn hóa Trung Quốc 1, cũng giúp sinh viên nắm thêm các từ vựng thuộc lĩnh vực văn hóa, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Trung Quốc, hiểu biết những nét chính của văn hóa Trung Quốc thông qua các bài giảng và bài đọc thêm trong giáo trình, khơi dậy hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về văn hóa Trung Quốc.

Dịch viết nâng cao : 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kỹ năng viết 2)

Nội dung: Nâng cao trình độ dịch viết của sinh viên. Thông qua cung cấp thêm thuật ngữ và kiến thức dịch thuật trong suốt quá trình thực hành dịch viết để sinh viên có đủ năng lực dịch các văn bản, tài liệu Trung – Việt và Việt – Trung.

HSK 1 : 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Củng cố lại các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ Trung Quốc, rèn luyện kỹ năng làm bài thi HSK cấp 5/6, giúp sinh viên có đủ tự tin tham gia các kỳ thi HSK và đạt kết quả tốt ở cấp 5/6.

HSK 2 : 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Củng cố lại các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ Trung Quốc, rèn luyện kỹ năng làm bài thi HSK ở mức độ cấp 6/6, giúp sinh viên có đủ tự tin tham gia các kỳ thi HSK và đạt kết quả tốt ở cấp 6/6.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Ái Cẩm

Ms. Nguyễn Lan Phương

Ths. Huỳnh Thị Bích Ngọc

